

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 01 - 2021

V/v ly hôn giữa chị Q và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Chính;

Bà Đỗ Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2020 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 2, xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 2, xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định.

(Chị Q, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Bùi Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã XC, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/11/2006. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi chửi nhau do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm; nhiều khi anh T còn đánh đập chị. Gia đình hai bên cũng đã động viên nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không có cách giải quyết, hôn nhân không có hạnh phúc nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 17/12/2007 và Nguyễn Hương G, sinh ngày 23/5/2012. Trường hợp ly hôn, chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, nhường quyền nuôi dưỡng cháu T cho anh T; chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Khi làm đơn khởi kiện, chị có yêu cầu chia tài sản chung là 100.000.000đ đã góp tiền xây dựng nhà với bố mẹ, nhưng trong quá trình giải quyết chị đã rút yêu cầu và không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nữa.

Theo bản tự khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Q tự nguyện tìm hiểu, kết hôn như chị Q trình bày là đúng. Trong cuộc sống, giữa hai vợ chồng nhiều khi xảy ra mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp; nhiều khi nóng giận anh có tát chị Q vài cái. Gia đình đã tác động nhiều để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn với chị Q vì anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Trường hợp chị Q vẫn quyết tâm ly hôn anh thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị Q.

Về con chung: Anh và chị Q có 02 con chung như chị Q trình bày. Trường hợp ly hôn, anh nhất trí với ý kiến của chị Q về việc nuôi con chung khi ly hôn, anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến T, nhường quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hương G cho chị Q; anh và chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các

đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Q, xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn T; giao cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 17/12/2007 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 23/5/2012 cho chị Bùi Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn T kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có hạnh phúc do tính tình, lối sống không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm và đôi khi xảy ra xô xát; gia đình đã tác động nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Chị Q xin ly hôn anh T, anh T không nhất trí ly hôn chị Q nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Q không thay đổi ý kiến và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có cách giải quyết. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh T, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 17/12/2007 và Nguyễn Hương G, sinh ngày 23/5/2012. Khi ly hôn, các đương sự đều thống nhất để chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Vì vậy, căn cứ vào nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu G cho chị Q nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị Q tự nguyện rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5] Về án phí: Chị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 17/12/2007 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 23/5/2012 cho chị Bùi Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị Bùi Thị Q đối với anh Nguyễn Văn T.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Q phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.800.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001943 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Bùi Thị Q số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Chính Đỗ Thị Hồng

Phạm Văn Thung

